

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 129/2017/HSST.
Ngày: 20/7/2017.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân nhân: Bà Lê Hồng Nhung + Ông Hà Ngọc Phương.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lầu A Thống – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 128/2017/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn N; tên gọi khác: Không; SN: 1996; nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Thái; con ông: Lò Văn Tiếp – SN: 1964 và bà Bạc Thị Thiên – SN: 1970; bị cáo chưa có vợ ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 20/4/2017. “ Có mặt ”.

2. Lò Văn B; tên gọi khác: Không; SN: 1988; nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; con ông: Lò Văn Nguơng (Liệt sĩ) và bà Lò Thị Nhe – SN: 1952; bị cáo chưa có vợ ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 20/4/2017. “ Có mặt ”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ 00 phút ngày 20/4/2017, tại khu vực bản Nà Hày, xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, tổ công tác Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã phát hiện bắt quả tang các đối tượng: Lò Văn N - SN: 1996 và Lò Văn B – SN: 1988 (Cùng trú tại: Bản H, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La) về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói ni lon màu hồng bên trong có chứa một ít bột màu trắng và 02 viên nén màu hồng hình trụ tròn (Theo các đối tượng N và B khai là Heroin và ma túy tổng hợp); 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, màu sơn nâu, BKS: 26H1 – 004.31.

Kết quả cân tịnh số bột màu trắng thu giữ của các đối tượng (N + B), có trọng lượng 0,31 gam. Rút 0,05 gam ký hiệu N1 làm mẫu vật gửi giám định chất ma túy. Số còn lại là 0,26 gam ký hiệu N2 đã niêm phong. Cân tịnh 02 viên nén màu hồng hình trụ tròn màu hồng, thu giữ của các đối tượng (N + B) có trọng lượng 0,21 gam, đánh ký hiệu N3 gửi toàn bộ làm mẫu giám định loại chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số: 451/KLMT ngày 24/4/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

- Mẫu gửi giám định ký hiệu N1 là chất ma túy; loại chất Heroin; trọng lượng gửi giám định là N1 = 0,05 gam;

- Mẫu gửi giám định ký hiệu N3 là chất ma túy; loại chất Methamphetamin; trọng lượng gửi giám định là N3 = 0,21 gam;

- Trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,31; loại chất Heroin và 0,21 gam; loại chất Methamphetamin.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, các bị can Lò Văn N và Lò Văn B, khai nhận như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/4/2017, Lò Văn N đang ở bản Khoang – C – Quỳnh Nhai, thì gặp Lò Văn B (Người cùng bản), N rủ B góp tiền đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, B đồng ý đưa cho N 120.000đ về phía N góp thêm 80.000đ, tổng là 200.000đ, N điều khiển xe máy BKS: 26H1 – 004.31 chở theo B đến bản Thôm, xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, để tìm mua ma túy, khi tới bản Thôm, N gặp 01 người đàn ông dân tộc Thái (Không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) hỏi và mua được của người đó một lượng Heroin và 02 viên ma túy tổng hợp với giá 200.000đ. Sau khi mua được ma túy N cầm gói nilon bên trong gói Heroin cùng 02 viên ma túy tổng hợp trên tay trái rồi điều khiển xe máy chở theo B về nhà, trên đường về đến đoạn khu vực cầu trắng (Thuộc bản Nà Hày – Thôm Mòn – Thuận Châu – Sơn La, thì bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 90/KSĐT ngày 13/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố các bị can Lò Văn N và Lò Văn B về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn B với tội danh và Điều khoản luật áp dụng như trên; Đề nghị tuyên bố các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn B phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 - điểm p khoản 1 Điều 46 – Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 - điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N mức án tù 12 đến 15 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 - điểm p khoản 1 Điều 46 – Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 - điểm c khoản 1 Điều 249 – điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Lò Văn B mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999 đối với các bị cáo.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ: Vật chứng là 0,26 gam Heroin (Số còn lại sau khi trích rút gửi giám định).

Tại phiên tòa bị cáo (N) có ý kiến: Thừa nhận ngày 20/4/2017, đã rủ bị cáo B góp tiền, cùng đi mua Heroin về để sử dụng. Nay bị cáo đã biết tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo (B) có ý kiến: Thừa nhận ngày 20/4/2017, đã nghe theo lời rủ rê của bị cáo N về việc góp tiền và cùng đi mua Heroin để sử dụng. Nay bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 20/4/2017, các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn B (Có căn cước lý lịch như trên) đã thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng là 0,31 gam Heroin và 0,21 gam Methamphetamin, với nội dung khai nhận việc mua, tàng trữ số ma túy nêu trên là để cùng nhau sử dụng. Xét các bị cáo là những người có năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với Kết luận giám định về ma túy và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với số vật chứng thu giữ gồm 02 loại ma túy (0,31 gam Heroin + 0,21 gam Methamphetamin). Kết quả khi quy đổi 0,21 gam Methamphetamin về cùng loại chất Heroin, thì có tổng trọng lượng là 0,38 gam Heroin. Do vậy không thuộc tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 Điều 194 BLHS năm 1999. Do vậy đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn B đã phạm vào tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Như quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 194 BLHS năm 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm ”.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến lĩnh vực độc quyền thống nhất quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm sử dụng cho bản thân trước là xâm hại đến chính sức khỏe của các bị cáo, sau là hành vi tiếp tay cho loại tội phạm khác về ma túy trong xã hội gia tăng, gây mất trật tự an ninh ở địa phương. Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng, do đó cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ mức trừng trị răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo thành người công dân có ý thức pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thuộc trường đồng phạm, trong đó bị cáo N là người khởi xướng, bị cáo B là người cùng trực tiếp thực hành. Do vậy ngoài việc áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, cần vận dụng thêm Điều 53 BLHS để phân hóa tính chất, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo (N + B) đã nhận thức được lỗi lầm, ăn năn hối lỗi. Nên được xem xét áp dụng là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Riêng bị cáo B có bố là Liệt sĩ, nên được áp dụng thêm một tình tiết giảm nhẹ, theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tội danh bị cáo đang bị xét xử “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ” thuộc trường hợp quy định tại: Nghị quyết số: 41/2017/QH14 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 - điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Công văn số: 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, quy định về việc áp dụng xét xử theo hướng có lợi cho các bị cáo, bởi so sánh mức hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 và khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, thì mức hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 là nhẹ hơn về cùng một tội danh “ 01 năm đến 05 năm tù ”.

Các bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ các bị cáo trong hạn 45 ngày, theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 BLTTHS.

Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS. Căn cứ vào kết quả xác minh xác định các bị cáo đều không có tài sản thi hành. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

Vật chứng 0,26 gam Heroin (Số còn lại sau khi trích rút 0,05 gam Heroin và 0,21 gam Methamphetamin gửi giám định) là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng cũng là vật nhà nước cấm lưu hành. Nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là chiếc xe máy BKS: 26H1 – 004.31, kết quả điều tra đã xác định: Chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Ngân Văn Ước (Trú tại: bản Khoang – C – Quỳnh Nhai – Sơn La), anh Ước là anh rể của bị cáo B, việc bị cáo B sau khi mượn xe sử dụng làm phương tiện phạm tội anh Ước không biết. Do

vậy việc xử lý vật chứng của cơ quan Điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh Ước là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, nên được chấp nhận.

Đối với nguồn gốc 0,31 gam Heroin + 0,21 gam Methamphetamin bị bắt giữ, theo các bị cáo khai, do mua của 01 người đàn ông dân tộc Thái thuộc khu vực bản Thôm, xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tuy nhiên các bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Do vậy cơ quan Điều tra Công an huyện Thuận Châu không có cơ sở để điều tra xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn B phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194 – điểm p khoản 1 Điều 46 – Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 – điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; Công văn số: 276/TANDTC - PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 20/4/2017 (Ngày bắt giữ bị cáo).

Áp dụng khoản 1 Điều 194 – điểm p khoản 1 Điều 46 – Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7 – điểm c khoản 1 Điều 249 – điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Công văn số: 276/TANDTC - PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Xử phạt bị cáo Lò Văn B 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 20/4/2017 (Ngày bắt giữ bị cáo).

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: Bột cục màu trắng là Heroin có trọng lượng: 0,26 gam (Không phải hai mươi sáu gam) được niêm phong trong phong bì thư.

4. Án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc các bị cáo Lò Văn N và Lò Văn B nộp án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho các bị cáo biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- Trại giam;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA (01 bản).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Kỳ Việt